

Số: 64/2026/QĐST-VHNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 151/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Võ Thị H, sinh ngày 02/7/1986.

CCCD: 052186000147 cấp ngày 02/7/2021

Địa chỉ: Tổ C, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Trung S, sinh ngày 02/9/1987.

CCCD: 038087004157 cấp ngày 02/7/2021

Địa chỉ: Tổ C, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 29/4/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 quyển số 01/2010, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 4 năm 2026, ông S, bà H xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông S và bà H thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H có 03 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 19/12/2010; Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/4/2014 và Lê Gia V1, sinh ngày 10/11/2015. Theo sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung, thống nhất giao cháu Lê Thị Trà M và Lê Gia V1 cho ông Lê Trung S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Lê Thị Tường V cho bà Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H mỗi người tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Trung S và bà Võ Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H có 03 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 19/12/2010; Lê Thị Tường V, sinh ngày 08/4/2014 và Lê Gia V1, sinh ngày 10/11/2015. Theo sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung, thống nhất giao cháu Lê Thị Trà M và Lê Gia V1 cho ông Lê Trung S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Lê Thị Tường V cho bà Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Trung S và bà Võ Thị H mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 18832 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S và bà H đã nộp xong lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND Phú Mỹ, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thu Hiền